

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	18,200 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	40.0%	92.0%

DT thuần	2024		YoY
	568		▼ 90.0
	tỷ VNĐ		▼ 13.6%

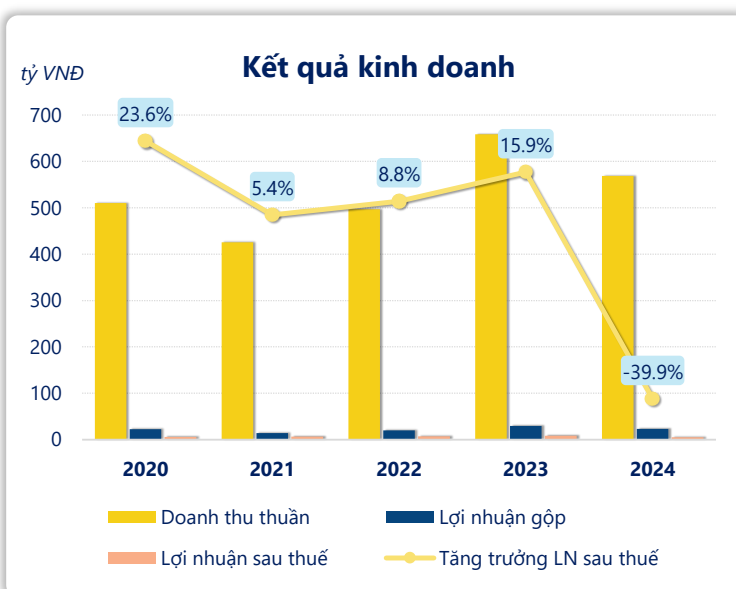
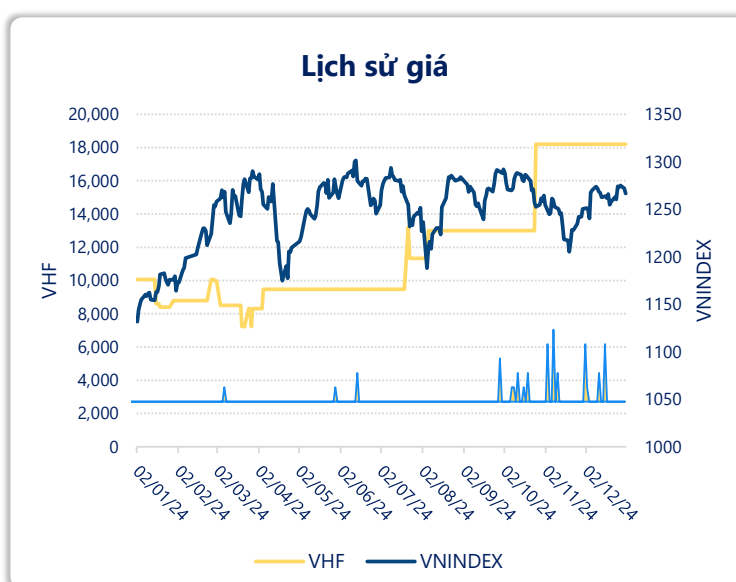
LN gộp	2024		YoY
	23.2		▼ 6.50
	tỷ VNĐ		▼ 21.6%

LN thuần	2024		YoY
	4.71		▼ 3.82
	tỷ VNĐ		▼ 44.8%

LN sau thuế	2024		YoY
	4.95		▼ 3.28
	tỷ VNĐ		▼ 39.9%

ROE	2024		+/- YoY
	2.1%		▼ 1.4%

ROA	2024		+/- YoY
	1.4%		▼ 1.0%

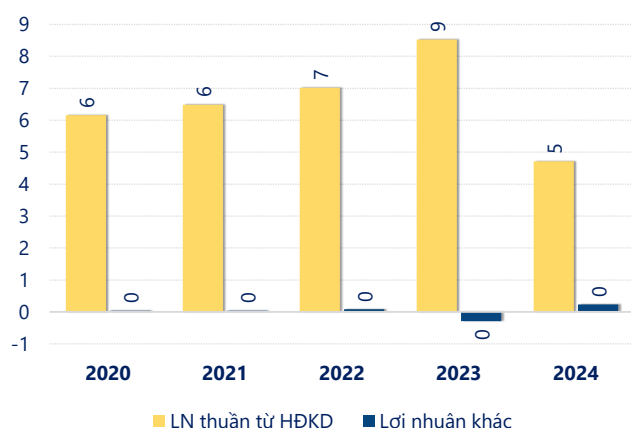


Năm **2024**, **VHF** ghi nhận doanh thu thuần **568.5** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **4.95** tỷ đồng, lần lượt **giảm 13.6%** và **giảm 39.9%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **2.15%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

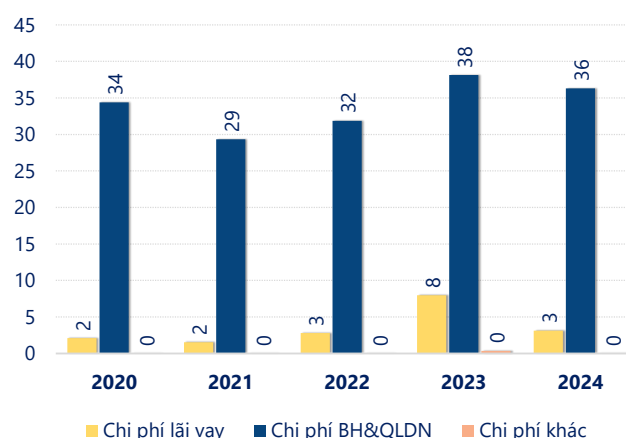
tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận



tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

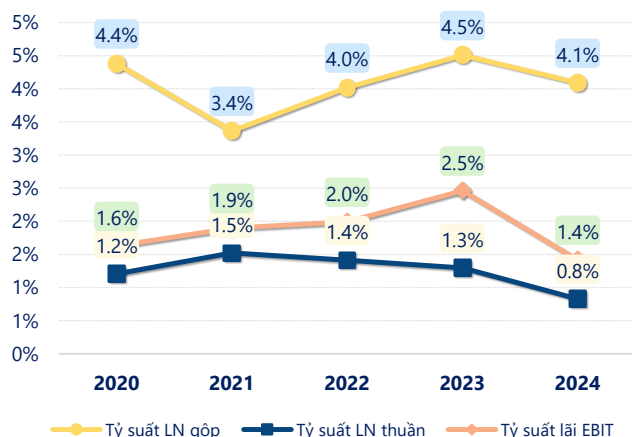


Năm **2024**, VHF có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **4.71** tỷ đồng, **giảm đi 3.82** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (6.58 tỷ đồng) là 1.87 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

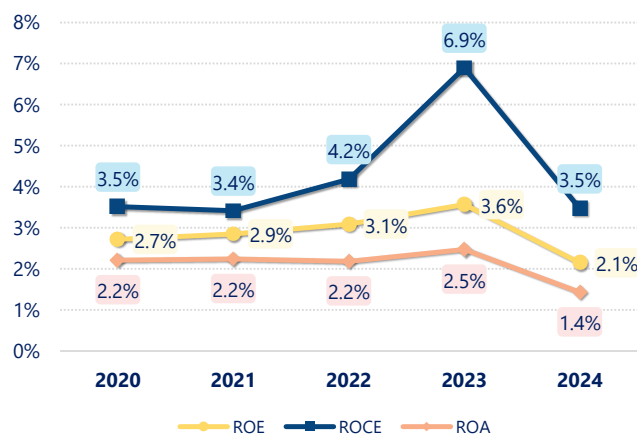
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **3.11** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **36.30** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.02** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VHF năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **2.15%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



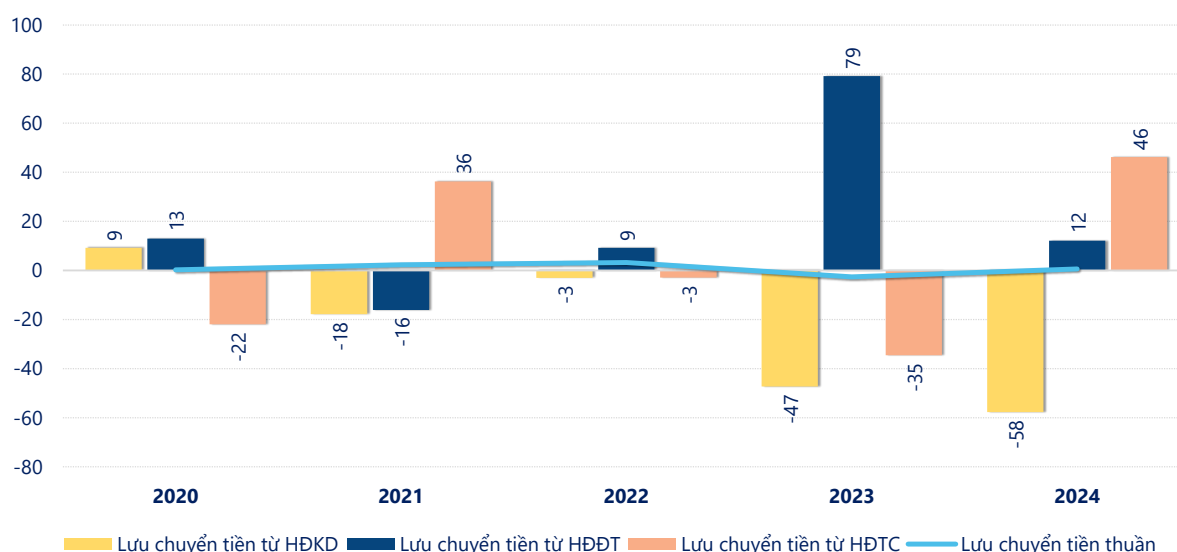
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	510	426	497	658	568
Giá vốn hàng bán	488	411	477	629	545
Lợi nhuận gộp	22.3	14.3	20.0	29.7	23.2
Doanh thu HĐTC	20.4	23.1	23.7	25.1	21.5
Chi phí TC	2.25	1.60	4.81	8.11	3.72
Chi phí lãi vay	2.11	1.55	2.80	7.98	3.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.8	5.01	4.34	9.12	15.7
Chi phí QLDN	23.6	24.3	27.5	29.0	20.6
LN thuần từ HĐKD	6.16	6.49	7.02	8.53	4.71
Lợi nhuận khác	0.04	0.04	0.08	-0.29	0.24
LN trước thuế	6.19	6.53	7.10	8.23	4.95
Lợi nhuận sau thuế	6.19	6.53	7.10	8.23	4.95
LNST của CĐ cty mẹ	6.19	6.53	7.10	8.23	4.95

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VHF bằng **0.56** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-2.61 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-57.74** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **12.12** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **46.18** tỷ đồng.